BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

Số: 508 /QĐ-MĐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận học viên cao học đợt 1 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ-ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1129/QĐ-MĐC ngày 16/8/2018 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất họp ngày 23 tháng 06 năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển **234 học viên** cao học đợt 1 năm 2020 theo điểm chuẩn trúng tuyển từng ngành (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các học viên trong danh sách ở điều 1 được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi trách nhiệm theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các khoa, Trưởng các bộ môn chuyên môn và các học viên có tên trong danh sách trúng tuyển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Vụ GDĐH (để báo cáo);
- Lưu: HCTH, SĐH.(3)

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN CAO HỌC ĐỢT 1 NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 508 /QĐ-MĐC ngày 23/06/2020)

TT	Họ và tên		Giới tính	Năm sinh	Nơi sinh	Ngành (Chuyên ngành)
1	Nguyễn Đức	Anh	Nam	15/10/1983	Thái Bình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
2	Nguyễn Hồng	Ân	Nam	07/10/1969	Sóc Trăng	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
3	Võ Thanh	Bình	Nam	29/12'1979	Trà Vinh	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
4	Nguyễn Văn	Cường	Nam	05/04/1989	Thanh Hóa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
5	Khuất Duy	Cường	Nam	16/07/1974	Hà Nội	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
6	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	01/03/1979	Khánh Hòa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
7	Phạm Quang	Dương	Nam	17/05/1995	Hải Phòng	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
8	Lê Văn	Định	Nam	08/03/1986	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
9	Nguyễn Đức	Em	Nam	08/07/1986	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
10	Trần Thanh	Hanh	Nam	05/08/1976	Thái Bình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
11	Huỳnh	Hạnh	Nam	29/01/1978	Hậu Giang	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
12	Mai Thị Ngọc	Hân	Nữ	1990	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
13	Huỳnh Trung	Hiếu	Nam	01/10/1993	Khánh Hòa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
14	Lê Minh	Hoàng	Nam	20/04/1995	Bình Phước	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
15	Huỳnh Quốc	Hùng	Nam	17/06/1982	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
16	Nguyễn Văn	Huynh	Nam	15/05/1985	Hải Phòng	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
17	Nguyễn Thanh	Hưng	Nam	04/12/1980	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
18	Mạc Thanh	Kỳ	Nam	13/02/1993	Quảng Ngãi	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
19	Trương Đình	Khải	Nam	26/04/1990	Kiên Giang	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
20	Nguyễn Tiến	Khánh	Nam	08/11/1983	Hải Phòng	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
21	Nguyễn Ngọc	Khoa	Nữ	05/07/1975	Hậu Giang	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
22	Phan Văn	Khoái	Nam	15/08/1983	Nghệ An	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
23	Nguyễn Sỹ	Lâm	Nam	19/05/1984	Nghệ An	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
24	Ngụy Thảo	Linh	Nữ	26/05/1994	Yên Bái	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
25	Nguyễn Thanh	Long	Nam	15/04/1992	Quảng Bình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
26	Nguyễn Minh	Lợi	Nam	24/07/1995	Đồng Nai	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
27	Lê Thị Ánh	Mai	Nữ	18/01/1983	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
28	Nguyễn Hữu	Ninh	Nam	17/10/1982	Hà Nội	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
29	Nguyễn Minh	Nhựt	Nam	19/01/1987	Tây Ninh	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
30	Võ Đắc	Ổn	Nam	16/12/1975	Khánh Hòa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
31	Đỗ Thanh	Phong	Nam	05/02/1979	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
32	Huỳnh Tấn	Phước	Nam	19/05/1985	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
33	Nguyễn Đăng	Phương	Nam	15/08/1984	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
34	Trần Duy	Quang	Nam	11/08/1982	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
35	Phạm Ngọc	Quân	Nam	05/06/1983	Thái Bình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
36	Nguyễn Văn	Song	Nam	02/10/1985	Quảng Bình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ

37	Nguyễn Minh	Tâm	Nam	26/08/1979	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
38	Nguyễn Hữu	Tấn	Nam	1977	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
39	Lê Văn	Thanh	Nam	20/10/1970	Thanh Hóa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
40	Nguyễn Trọng	Thành	Nam	28/08/1978	Thái Nguyên	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
41	Dương Tấn	Thạnh	Nam	27/11/1984	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
42	Lê Đạt	Thắng	Nam	02/01/1987	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
43	Nguyễn Hùng	Thắng	Nam	27/01/1985	Thái Nguyên	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
44	Nguyễn Thị	Thân	Nữ	26/10/1996	Khánh Hòa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
45	Đinh Ngọc	Thân	Nam	01/02/1967	Hà Tĩnh	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
46	Phạm Mạnh	Thế	Nam	03/07/1987	Ninh Bình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
47	Nguyễn Gia	Tỉnh	Nam	01/05/1977	Bắc Ninh	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
48	Đỗ Văn	Toàn	Nam	1990	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
49	Đỗ Văn	Toán	Nam	10/11/1983	Hải Phòng	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
50	Nguyễn Tuấn	Trình	Nam	31/07/1991	Phú Yên	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
51	Tạ Quốc	Trung	Nam	27/11/1987	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
52	Nguyễn Hữu	Trung	Nam	01/11/1978	Nghệ An	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
53	Nguyễn Hồng	Trung	Nam	12/01/1982	Khánh Hòa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
54	Lưu Hữu	Truyền	Nam	08/06/1993	Long An	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
55	Phan Minh	Tuấn	Nam	12/06/1986	Kiên Giang	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
56	Huỳnh Văn Vũ	Tuấn	Nam	09/04/1990	Long An	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
57	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	01/01/1970	Hậu Giang	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
58	Đặng Anh	Tuấn	Nam	19/09/1981	Lâm Đồng	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
59	Ngô Thanh	Tùng	Nam	23/05/1987	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
60	Đoàn Thanh	Tùng	Nam	06/12/1987	Quảng Ninh	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
61	Võ Thị	Tuyết	Nữ	18/05/1973	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
62	Nguyễn Công	Viên	Nam	15/06/1981	Thái Bình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
63	Trần Quốc	Việt	Nam	1985	Đồng Tháp	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ
64	Nguyễn Mai	Anh	Nữ	04/09/1996	Hà Nội	Kỹ thuật môi trường
65	Trần Mạnh	Cường	Nam	24/04/1985	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường
66	Vũ Văn	Chinh	Nam	10/01/1979	Thanh Hóa	Kỹ thuật môi trường
67	Lương Công Việt	Dũng	Nam	09/01/1982	Khánh Hòa	Kỹ thuật môi trường
68	Lưu Hoàng	Duy	Nam	07/11/1992	Khánh Hòa	Kỹ thuật môi trường
69	Vũ Ngọc	Hà	Nam	18/12/1986	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường
70	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	14/01/1977	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường
71	Vũ Mạnh	Hùng	Nam	28/08/1983	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường
72	Hà Thị	Luyến	Nữ	06/05/1983	Bắc Giang	Kỹ thuật môi trường
73	Bảo	Nghi	Nam	14/11/1984	Khánh Hòa	Kỹ thuật môi trường
74	Nguyễn Văn	Ngọc	Nam	09/09/1984	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường
75	Nguyễn Lan	Nhi	Nữ	27/12/1995	Hà Nội	Kỹ thuật môi trường
76	Vũ Ngọc	Quân	Nam	04/06/1988	Thái Bình	Kỹ thuật môi trường
77	Tô Vũ	Sinh	Nam	26/01/1985	Bình Định	Kỹ thuật môi trường
78	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	18/12/1984	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường
79	Đoàn Văn	Thanh	Nam	25/11/1978	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường

80	Bùi Văn	Thế	Nam	27/03/1990	Nam Định	Kỹ thuật môi trường
81	Trần Thị	Thu	Nữ	03/10/1983	Khánh Hòa	Kỹ thuật môi trường
82	Bùi Anh	Tú	Nam	19/02/1993	Khánh Hòa	Kỹ thuật môi trường
83	Phan Đình	Tuyến	Nam	19/02/1981	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường
84	Phan Văn	Tường	Nam	01/10/1975	Hà Nội	Kỹ thuật môi trường
85	Vũ Mạnh	Tưởng	Nam	18/04/1981	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường
86	Đỗ Anh	Văn	Nam	16/03/1982	Phú Yên	Kỹ thuật môi trường
87	Nguyễn Văn	Chính	Nam	27/07/1977	Hà Tĩnh	KT xây dựng công trình ngầm
88	Lê Văn	Huê	Nam	21/12/1968	Quảng Trị	KT xây dựng công trình ngầm
89	Luyện Đình	Hùng	Nam	01/05/1978	Yên Bái	KT xây dựng công trình ngầm
90	Lê Việt	Hưng	Nam	03/07/1978	Nam Định	KT xây dựng công trình ngầm
91	Nguyễn Văn	Hưng	Nam	06/11/1994	Phú Thọ	KT xây dựng công trình ngầm
92	Lê Hoàng	Khuê	Nữ	07/10/1981	Phú Yên	KT xây dựng công trình ngầm
93	Trịnh Hữu	Tùng	Nam	10/12/1991	Thanh Hóa	KT xây dựng công trình ngầm
94	Nguyễn Đức	Trường	Nam	07/12/1983	Quảng Bình	KT xây dựng công trình ngầm
95	Phạm Quốc	Duy	Nam	24/11/1983	Hà Nam	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)
96	Bùi Thanh	Hải	Nam	23/11/1993	Hà Nam	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)
97	Nguyễn Vũ	Hải	Nam	20/12/1978	Nam Định	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)
98	Nguyễn Văn	Phương	Nam	23/02/1984	Hải Dương	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)
99	Nguyễn Văn	Thành	Nam	09/04/1986	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)
100	Nguyễn Ngọc	Thơm	Nam	01/01/1976	Hà Nội	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)
101	Bùi Minh	Tuân	Nam	31/10/1982	Hà Nam	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)
102	Bùi Tất	Tuấn	Nam	06/07/1990	Nam Định	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)
103	Đinh Đức	Anh	Nam	02/12/1971	Ninh Bình	Khoáng vật học & địa hóa học
104	Trần Thị	Nhân	Nữ	08/03/1997	Bắc Giang	Khoáng vật học & địa hóa học
105	Vũ Đình	Tải	Nam	25/01/1973	Nam Định	Khoáng vật học & địa hóa học
106	Trương Đức	Tuấn	Nam	22/04/1995	Nam Định	Khoáng vật học & địa hóa học
107	Phạm Đình	Chiến	Nam	21/10/1975	Hải Dương	Kỹ thuật địa chất (ĐCCT)
108	Nguyễn Văn	Khang	Nam	17/05/1983	Hải Dương	Kỹ thuật địa chất (ĐCCT)
109	Nguyễn Quang	Nam	Nam	14/11/1983	Phú Thọ	Kỹ thuật địa chất (ĐCCT)
110	Lê Văn	Thái	Nam	12/10/1978	Bắc Ninh	Kỹ thuật địa chất (ĐCCT)
111	Hoàng Văn	Hưởng	Nam	04/03/1984	Nam Định	Bản đồ viễn thám và HTTĐL
112	Hoàng Xuân	Nghiêm	Nam	27/06/1982	Nam Định	Bản đồ viễn thám và HTTĐL
113	Nguyễn Trung	Thành	Nam	26/11/1985	Hà Nội	Bản đồ viễn thám và HTTĐL
114	Trịnh Thị	Thư	Nữ	26/10/1986	Hà Nam	Bản đồ viễn thám và HTTĐL
115	Nguyễn Mạnh	Tuấn	Nam	03/07/1995	Hà Nội	Bản đồ viễn thám và HTTĐL
116	Vũ Ngọc	Anh	Nam	19/08/1995	Nam Định	Địa tin học
117	Hoàng Thành	Đạt	Nam	27/06/1994	Sơn La	Địa tin học
118	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	25/09/1996	Hà Nội	Địa tin học
119	Bùi Văn	Phòng	Nam	23/08/1988	Hà Nội	Địa tin học
120	Cao Hoài	Tú	Nam	17/10/1987	Nghệ An	Địa tin học
121	Phạm Quang	Huy	Nam	20/12/1980	Ninh Bình	Kỹ thuật điện
122	Nguyễn Văn	Tới	Nam	25/11/1995	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện

123	Đặng Minh	Tuấn	Nam	13/01/1995	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện
124	Nguyễn Văn	Trọng	Nam	20/08/1979	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện
125	Trần Xuân	Hán	Nam	29/05/1978	Nam Định	Quản lý đất đai
126	Đinh Xuân	Tôn	Nam	30/04/1998	Thanh Hóa	Quản lý đất đai
127	Vũ Thị	Thúy	Nữ	20/8/1988	Hà Nội	Quản lý đất đai
128	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	30/06/1995	Nam Định	Kỹ thuật hóa học
129	Đặng Hải	Anh	Nam	14/07/1976	Hà Nội	Kỹ thuật hóa học
130	Lê	Anh	Nam	21/09/1982	Thái Bình	Khai thác mỏ
131	Nguyễn Trúc	Anh	Nữ	04/09/1996	Hà Nội	Khai thác mỏ
132	Trần Tuấn	Anh	Nam	10/01/1986	Quảng Ninh	Khai thác mỏ
133	Đinh Kiên	Cường	Nam	21/04/1986	Quảng Ninh	Khai thác mỏ
134	Vũ Đăng	Chuyền	Nam	27/03/1982	Thái Bình	Khai thác mỏ
135	Nguyễn Quý	Duy	Nam	29/05/1980	Thái Bình	Khai thác mỏ
136	Đặng Xuân	Đức	Nam	20/02/1985	Quảng Ninh	Khai thác mỏ
137	Nguyễn	Hồng	Nam	07/06/1984	Quảng Ninh	Khai thác mỏ
138	Nguyễn Dương	Huy	Nam	19/10/1984	Hải Dương	Khai thác mỏ
139	Ngô Văn	Khương	Nam	15/09/1984	Nam Định	Khai thác mỏ
140	Vũ Văn	Linh	Nam	02/04/1996	Quảng Ninh	Khai thác mỏ
141	Đỗ Văn	Linh	Nam	13/07/1990	Thái Bình	Khai thác mỏ
142	Nguyễn Văn	Miền	Nam	15/05/1986	Hải Dương	Khai thác mỏ
143	Bùi Văn	Minh	Nam	28/08/1989	Quảng Ninh	Khai thác mỏ
144	Nguyễn Văn	Quang	Nam	17/10/1989	Thái Bình	Khai thác mỏ
145	Trần Duy	Sáng	Nam	11/10/1985	Hà Nội	Khai thác mỏ
146	Phạm Văn	Thắng	Nam	10/07/1988	Bắc Giang	Khai thác mỏ
147	Nguyễn Văn	Thể	Nam	20/04/1983	Hải Dương	Khai thác mỏ
148	Trần Văn	Thức	Nam	03/01/1980	Thái Bình	Khai thác mỏ
149	Trần Mạnh	Tiến	Nam	21/05/1988	Hà Nam	Khai thác mỏ
150	Nguyễn Trung	Tín	Nam	05/09/1995	Thái Bình	Khai thác mỏ
151	Nguyễn Văn	Tình	Nam	23/02/1988	Bắc Giang	Khai thác mỏ
152	Đỗ Văn	Tình	Nam	09/06/1981	Nam Định	Khai thác mỏ
153	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	20/05/1985	Nghệ An	Khai thác mỏ
154	Trương Văn	Tuấn	Nam	10/01/1983	Hà Nam	Khai thác mỏ
155	Hoàng Mai	Anh	Nam	10/10/1992	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
156	Trần Thị Ngân	Anh	Nữ	29/08/1993	Thái Bình	Quản lý kinh tế
157	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	Nữ	19/11/1995	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế
158	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	Nữ	02/08/1995	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế
159	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	01/01/1983	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế
160	Nguyễn Vũ Vân	Anh	Nữ	18/11/1983	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế
161	Lại Gia	Bảo	Nam	29/09/1981	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế
162	Tống Thị Hoa	Bắc	Nữ	26/04/1974	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế
163	Phạm Văn	Bình	Nam	21/02/1981	Thái Bình	Quản lý kinh tế
164	Lại Hồng	Cương	Nam	26/02/1980	Thái Bình	Quản lý kinh tế
165	Ngô Khắc	Cường	Nam	05/02/1986	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế

166	Vũ Mạnh	Dũng	Nam	25/12/1972	Hải Phòng	Quản lý kinh tế
167	Nguyễn Đăng	Dương	Nam	24/01/1994	Thái Bình	Quản lý kinh tế
168	Trương Thùy	Dương	Nữ	27/07/1987	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
169	Nguyễn Văn	Đoàn	Nam	22/03/1986	Thái Bình	Quản lý kinh tế
170	Ngô Duy	Đông	Nam	02/12/1980	Thái Bình	Quản lý kinh tế
171	Đoàn Công	Đức	Nam	11/09/1978	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
172	Lưu Trung	Đức	Nam	24/12/1991	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế
173	Đỗ Thị	Hải	Nữ	15/02/1978	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
174	Mai Thu	Hằng	Nữ	08/07/1981	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế
175	Vũ Hồng	Hậu	Nam	10/10/1985	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế
176	Đặng Văn	Hiệp	Nam	30/04/1982	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
177	Hoàng Trung	Hiếu	Nam	14/8/1989	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế
178	Đào Mai	Hoa	Nữ	08/09/1989	Hải Phòng	Quản lý kinh tế
179	Nguyễn Biên	Hòa	Nam	10/03/1984	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế
180	Nông Thị	Hòa	Nữ	07/01/1985	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế
181	Phạm Minh	Hoàn	Nam	26/04/1976	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế
182	Trần Văn	Hoàn	Nam	28/09/1992	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
183	Nông Xuân	Hoàn	Nam	04/03/1989	Cao Bằng	Quản lý kinh tế
184	Nông Văn	Hội	Nam	08/03/1971	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế
185	Nguyễn Tiến	Hùng	Nam	13/07/1985	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế
186	Châu Quốc	Huy	Nam	11/11/1993	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế
187	Phạm Thị	Huyền	Nữ	12/03/1994	Hải Phòng	Quản lý kinh tế
188	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	18/12/1990	Nam Định	Quản lý kinh tế
189	Trịnh Ngọc	Khánh	Nam	07/07/1994	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
190	Trần Xuân	Lãm	Nam	12/07/1982	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế
191	Trương Thị	Lành	Nữ	20/10/1983	Nam Định	Quản lý kinh tế
192	Trịnh Thị	Liên	Nữ	03/06/1983	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
193	Nguyễn Hoàng	Linh	Nữ	07/11/1987	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
194	Vũ Hải	Linh	Nữ	20/02/1996	Nam Định	Quản lý kinh tế
195	Võ Thị Thùy	Linh	Nữ	20/10/1989	Kiên Giang	Quản lý kinh tế
196	Đinh Thị Bảo	Linh	Nữ	24/04/1996	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế
197	Lưu Khánh	Linh	Nữ	18/08/1993	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
198	Triệu Thị	Loan	Nữ	01/07/1985	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế
199	Lã Thành	Luân	Nam	18/03/1989	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế
200	Nguyễn Tuyết	Mai	Nữ	02/03/1988	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế
201	Lại Văn	Mạnh	Nam	09/12/1984	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế
202	Đoàn Văn	Minh	Nam	30/04/1987	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
203	Hoàng Thế	Năm	Nam	06/10/1982	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
204	Lại Quang	Nghĩa	Nam	09/04/1981	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế
205	Ngô Thị Thu	Nguyệt	Nữ	19/08/1987	Thái Bình	Quản lý kinh tế
206	Nguyễn Quốc	Phong	Nam	27/11/1994	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
207	Châu Quang	Phúc	Nam	16/06/1980	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế
208	Phạm Thanh	Phương	Nam	06/07/1974	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế

209	Lê Văn	Quy	Nam	06/07/1977	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
210	Nguyễn Mai	Quỳnh	Nữ	02/07/1997	Thái Bình	Quản lý kinh tế
211	Vũ Thu	Quỳnh	Nữ	25/08/1993	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế
212	Vũ Văn	Tặng	Nam	04/04/1977	Nam Định	Quản lý kinh tế
213	Bùi Minh	Tâm	Nữ	14/09/1989	Thái Bình	Quản lý kinh tế
214	Bùi Duy	Tân	Nam	04/09/1981	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế
215	Hoàng Hải	Thanh	Nam	06/04/1972	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
216	Ngô Trung	Thành	Nam	17/07/1979	Nam Định	Quản lý kinh tế
217	Nguyễn Văn	Thành	Nam	22/12/1990	Nghệ An	Quản lý kinh tế
218	Nguyễn Văn	Thành	Nam	14/03/1981	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
219	Phạm Văn	Thắng	Nam	07/02/1995	Hà Nội	Quản lý kinh tế
220	Lê Đức	Thọ	Nam	06/01/1988	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
221	Lưu Thị	Thơ	Nữ	23/02/1991	Thái Bình	Quản lý kinh tế
222	Hoàng Thị Minh	Thu	Nữ	07/09/1977	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế
223	Hoàng Anh	Thùy	Nam	17/10/1975	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế
224	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	06/02/1979	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế
225	Nguyễn Lê	Trung	Nam	23/10/1996	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế
226	Nguyễn Đình	Trung	Nam	15/03/1981	Thái Bình	Quản lý kinh tế
227	Vũ Văn	Trường	Nam	05/11/1980	Hà Nam	Quản lý kinh tế
228	Trương Văn	Trường	Nam	25/06/1987	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
229	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	03/11/1986	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
230	Trương Văn	Tùng	Nam	12/05/1990	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế
231	Đỗ Thị Cẩm	Vân	Nữ	06/10/1993	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế
232	Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	03/05/1997	Hà Nội	Quản lý kinh tế
233	Nghiêm Tuấn	Vũ	Nam	26/10/1986	Bắc Giang	Quản lý kinh tế
234	Hoàng Thị	Hiên	Nữ	02/07/1986	Thái Bình	Địa chất học

(Danh sách gồm 234 học viên)

Hà Nội ngày 23 tháng 06 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải